

Xy lanh dẫn hướng
DFM-32-200-P-A-KF-F1A
Số bộ phận: 8118900

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Khoảng cách trọng tâm của tải trọng đến đầu chạc xs	50 mm
Hành trình	200 mm
Ø pít tông	32 mm
Chế độ hoạt động của bộ truyền động	Ách
Đệm	Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu
Vị trí lắp đặt	bất kì
Dẫn hướng	Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn
Cấu trúc xây dựng	Dẫn hướng
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Các biến thể	Các kim loại có đồng, kẽm hoặc niken là thành phần chính không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, băng mạch, dây dẫn, bộ kết nối và cuộn dây.
Áp suất vận hành	0.15 MPA...1 MPA 1.5 bar...10 bar
Tốc độ tối đa	0.8 m/s
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây.
Loại phòng sạch	Loại 7 theo ISO 14644-1
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...60 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	0.4 N m
Lực tối đa Fy	1130 N
Lực tối đa Fy tĩnh	1260 N
Lực tối đa Fz	1130 N
Lực tối đa Fz tĩnh	1260 N
Thời điểm tối đa Mx	44.09 N m

Đặc tính	Giá trị
Thời điểm tối đa Mx tĩnh	49.14 N m
Max. Moment My	40.13 N m
Thời điểm tối đa của tôl tĩnh	44.73 N m
Mô-men tối đa Mz	40.13 N m
Mô-men tối đa Mz tĩnh	44.73 N m
Tải trọng mô men tối đa cho phép Mx tùy thuộc vào hành trình	5.76 N m
Tải trọng tối đa tùy thuộc vào hành trình ở một khoảng cách xác định xs	127 N
Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi	415 N
Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống	482 N
Khối lượng di chuyển	1720 g
trọng lượng sản phẩm	4249 g
Trọng tâm của khối lượng chuyển động phụ thuộc vào hành trình	114.6 mm
kết nối thay thế	xem bản vẽ sản phẩm
Cổng nối khí nén	G1/8
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu phủ	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu của phốt	NBR
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu thanh piston	thép không gỉ hợp kim cao